

Bản án số: 50/2025/DS-ST
Ngày: 19/6/2025
V/v tranh chấp hợp đồng góp hui

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Đức

Bà Phạm Thanh Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 220/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2024 về “tranh chấp hợp đồng góp hui”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Võ Thúy L**, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông **Chung Hoàng B**, sinh năm 1963 và bà **Lê Thị C**, sinh năm 1971

Địa chỉ: ấp X, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Võ Thúy L trình bày: Vợ chồng ông B, bà C sinh sống tại xã Đ, có nhà đất ổn định, có tổ chức một số dây hui ở địa phương. Chị có tham gia một dây hui áp ngày 10/9/2022 âm lịch, gồm 22 phần, mỗi phần 2.000.000đồng, chị tham gia 2 phần, một tháng xổ một lần. Chị đóng hui được 18 lần x 2.000.000đồng x 2 phần = 72.000.000đồng (bảy mươi hai triệu đồng), đến lần thứ 19 thì vợ chồng ông B không tiếp tục dây hui nữa, cũng không tuyên bố vỡ hui mà tìm cách lẩn tránh. Sau đó vợ chồng ông B

hẹn sẽ trả dần nhưng cuối cùng cũng không trả cho chị được lần nào. Do đó chị khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông B , bà C có nghĩa vụ trả cho chị số tiền hui còn nợ là 72.000.000đồng (bảy mươi hai triệu đồng), ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

* Bị đơn ông Chung Hoàng B và bà Lê Thị C vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có lời trình bày.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu vợ chồng ông B , bà C trả cho chị tiền hui còn nợ là 72.000.000đồng. Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị L đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, riêng bị đơn ông B , bà C vắng mặt tại phiên họp và phiên tòa lần thứ 2 mà không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Võ Thúy L khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Chung Hoàng B , bà Lê Thị C trả lại số tiền hui mà hai bên thỏa thuận với nhau. Do đó theo Điều 471 Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật trong vụ án này là “tranh chấp hợp đồng góp hui”.

[2] Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn ông B , bà C vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông B , bà C vắng mặt lần thứ hai không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông B , bà C .

[3] Chị L khởi kiện cho rằng chị có tham gia dây hui do vợ chồng ông B , bà C làm chủ hui, cụ thể như sau: Dây hui áp ngày 10/9/2022 âm lịch gồm 22 phần, mỗi phần 2.000.000đồng, hui xổ 1 lần/tháng, chị L tham gia 2 phần. Chị L đã đóng được 18 lần, đến lần thứ 19 thì vợ chồng ông B , bà C không tiếp tục dây hui nữa, cũng không tuyên bố vỡ hui mà tìm cách lẩn tránh. Sau đó vợ chồng

ông B hẹn sẽ trả dần nhưng cuối cùng cũng không trả cho chị được lần nào, hiện nay vợ chồng ông B còn nợ chị số tiền hui là 72.000.000đồng.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, theo bản gốc sổ hui có chữ ký của ông B do chị L cung cấp cùng lời khai của một số hui viên khác như Lý Thị Đ, Trần Thị Kim H, Nguyễn Thị C1 thể hiện vợ chồng ông B có làm chủ dây hui áp ngày 10/9/2022 âm lịch, chị L có tham gia 02 phần, đã đóng được 18 lần (bút lục 23-26, 43, 45, 46). Còn vợ chồng ông B , bà C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Tòa án đã ra thông báo số 02/TB-TA ngày 13/02/2025 yêu cầu vợ chồng ông B , bà C cung cấp chứng cứ và thực hiện quyền yêu cầu phản tố trong vụ án nhưng đến nay không thực hiện.

Theo quy định tại Điều 91, 96 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp; đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó; đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Nếu đương sự không giao nộp hoặc giao nộp không đầy đủ tài liệu, chứng cứ do Tòa án yêu cầu mà không có lý do chính đáng thì Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật này để giải quyết vụ việc dân sự. Xét thấy trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, vợ chồng ông B , bà C không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, cũng không cung cấp được chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Trong khi nguyên đơn chị L đã thực hiện nghĩa vụ cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là bản gốc sổ hui có chữ ký của ông B cùng lời khai của một số hui viên khác như Lý Thị Đ, Trần Thị Kim H, Nguyễn Thị C1.

Tòa án đã ra Thông báo số 02/TB-TA ngày 13/02/2025 yêu cầu vợ chồng ông B , bà C cung cấp chứng cứ và thực hiện quyền yêu cầu phản tố trong vụ án nhưng đến nay không thực hiện. Đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử, không có ai yêu cầu, cung cấp hoặc giao nộp cho Tòa án nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị án nên chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị L , buộc vợ chồng ông B , bà C phải trả cho chị L số tiền hui là 72.000.000đồng (bảy mươi hai triệu đồng).

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Ông B , bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $72.000.000\text{đồng} \times 5\% = 3.600.000\text{đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 91, Điều 96, Điều 97, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hui, biêu, phường;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Chung Hoàng B , bà Lê Thị C có nghĩa vụ trả cho chị Võ Thúy L số tiền hui là 72.000.000đồng (bảy mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm:

Ông B , bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.600.000đồng (ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

Chị L được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.800.000đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0005160 ngày 11/10/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, riêng các đương sự vắng mặt được

quyền kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Văn Bảnh